

Số: 1868 /QĐ-ĐHNT

Hà Nội, ngày 12 tháng 6 năm 2024

CƠ SỞ II TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 639
Ngày: 07/8/2024
Chuyển: KHTC
Số và ký hiệu HS:

QUYẾT ĐỊNH

V/v quy định mức thu học phí năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI THƯƠNG

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/06/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học, có hiệu lực từ ngày 15/02/2020;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-TTg ngày 02/06/2015 của Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Ngoại thương giai đoạn 2015-2017 (kéo dài theo Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 09/11/2017 của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10);

Căn cứ Quyết định số 465/QĐ-BGDĐT ngày 31/01/2024 của Chính phủ về việc giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2023-2025 cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc;

Bản chính: Lưu CVD, B. KHTC (để thực hiện)

Scan: BGĐ (để báo cáo), QLĐT, CTCT & SV.

07/8/2024





Căn cứ Nghị quyết số 24/NQ-HĐT ngày 12/06/2024 của Hội đồng trường về mức thu học phí các trình độ và loại hình đào tạo năm học 2024-2025;

Theo đề nghị của Trường phòng Kế hoạch Tài chính, cơ sở 2 tại thành phố Hồ Chí Minh, Trường phòng Quản lý Đào tạo, Trường khoa Sau Đại học và Phó Trường khoa phụ trách Khoa Đào tạo Trực tuyến và Phát triển Nghề nghiệp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Quy định mức thu học phí các hệ đào tạo năm học 2024-2025 (chi tiết theo phụ lục đính kèm quyết định).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế các văn bản trước đây về quy định mức thu học phí của các hệ đào tạo. Mức thu học phí áp dụng trong toàn trường, một số trường hợp có quy định riêng được Hiệu trưởng phê duyệt thì áp dụng theo quy định riêng.

Điều 3. Các ông (bà) Trường phòng Kế hoạch-Tài chính, Giám đốc Cơ sở 2, Giám đốc cơ sở Quảng Ninh, Trường phòng Quản lý Đào tạo, Trường khoa Sau đại học, Phó Trường khoa phụ trách Khoa Đào tạo Trực tuyến và Phát triển Nghề nghiệp, sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh và trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Chủ tịch HĐT (để biết);
- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như điều 3;
- Lưu VT, P. KHTC. ^{H16}



PGS.TS. Bùi Anh Tuấn



PHỤ LỤC I

Mức học phí năm học 2024-2025

(Kèm theo Quyết định số: 1868 /QĐ-ĐHNT ngày 12/ 6 /2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại thương)

Đơn vị tính: đồng

STT	HỆ ĐÀO TẠO	TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	MỨC HỌC PHÍ NĂM HỌC 2024-2025				Ghi chú
			Mức học phí/ Tín chỉ	Tính theo năm học	Tính theo khóa học	Mức học phí từ lần 2/ Tín chỉ	
1	ĐÀO TẠO CHÍNH QUY						
1.1		Chương trình đào tạo tiêu chuẩn					
	Đối với K61 trở về trước		550,000			550,000	
	Đối với K62, K63		600,000			600,000	
1.2		Chương trình đào tạo đặc biệt					
	Đối với K57 trở về trước	Chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh	1,025,000			1,025,000	
		Định hướng nghề nghiệp quốc tế (ĐHNNQT) Kế toán - Kiểm toán theo định hướng ACCA	1,025,000			1,025,000	
		ĐHNNQT Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản	1,025,000			1,025,000	
		ĐHNNQT Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1,025,000			1,025,000	
		Chương trình tiên tiến		66,000,000			
		- Học bằng tiếng Anh				1,885,000	
		- Học bằng tiếng Việt				1,110,000	
		Chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh	1,150,000			1,150,000	
		Chất lượng cao tiếng Nhật thương mại	1,150,000			1,150,000	
		Chất lượng cao tiếng Trung thương mại	1,150,000			1,150,000	
		Chất lượng cao tiếng Pháp thương mại	1,150,000			1,150,000	
		Chất lượng cao tiếng Anh Thương mại	1,150,000			1,150,000	
		ĐHNNQT Luật Kinh doanh quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp	1,150,000			1,150,000	

STT	HỆ ĐÀO TẠO	TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	MỨC HỌC PHÍ NĂM HỌC 2024-2025				Ghi chú
			Mức học phí/ Tín chỉ	Tính theo năm học	Tính theo khóa học	Mức học phí từ lần 2/ Tín chỉ	
	Đối với từ K58 đến K61	ĐHNNQT Kế toán - Kiểm toán theo định hướng ACCA	1,150,000			1,150,000	
		ĐHNNQT Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản	1,150,000			1,150,000	
		ĐHNNQT Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1,150,000			1,150,000	
		ĐHNNQT Truyền thông marketing tích hợp	1,150,000			1,150,000	
		ĐHNNQT Marketing số	1,500,000			1,500,000	
		ĐHNNQT Kinh doanh số	1,500,000			1,500,000	
		ĐHNNQT Quản trị khách sạn	1,500,000			1,500,000	
		Chương trình tiên tiến		69,000,000			
		- Học bằng tiếng Anh				1,950,000	
		- Học bằng tiếng Việt				1,170,000	
		Chất lượng cao giảng dạy bằng tiếng Anh	1,200,000			1,200,000	
		Chất lượng cao tiếng Nhật thương mại	1,200,000			1,200,000	
		Chất lượng cao tiếng Trung thương mại	1,200,000			1,200,000	
		Chất lượng cao tiếng Pháp thương mại	1,200,000			1,200,000	
		Chất lượng cao tiếng Anh Thương mại	1,200,000			1,200,000	
		ĐHNNQT Luật Kinh doanh quốc tế theo mô hình thực hành nghề nghiệp	1,200,000			1,200,000	
		ĐHNNQT Kế toán - Kiểm toán theo định hướng ACCA	1,200,000			1,200,000	
		ĐHNNQT Kinh doanh quốc tế theo mô hình tiên tiến Nhật Bản	1,200,000			1,200,000	
		ĐHNNQT Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1,200,000			1,200,000	
		Định hướng phát triển quốc tế Kinh tế chính trị quốc tế	1,200,000			1,200,000	

STT	HỆ ĐÀO TẠO	TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	MỨC HỌC PHÍ NĂM HỌC 2024-2025				Ghi chú
			Mức học phí/ Tín chỉ	Tính theo năm học	Tính theo khóa học	Mức học phí từ lần 2/ Tín chỉ	
	Đối với K62, K63	ĐHNQT Marketing số	1,500,000			1,500,000	
		ĐHNQT Truyền thông marketing tích hợp	1,500,000			1,500,000	
		ĐHNQT Kinh doanh số	1,500,000			1,500,000	
		ĐHNQT Quản trị khách sạn	1,500,000			1,500,000	
		Chương trình ĐHNQT Khoa học máy tính và dữ liệu trong kinh tế và kinh doanh	1,150,000			1,150,000	Mức học phí: 65.000.000đ/ năm học Thực tế mức học phí sinh viên phải nộp là 1.150.000đ/tín chỉ tương đương 45.000.000đ/ năm học (sau khi Nhà trường hỗ trợ cấp học bổng cho tất cả thí sinh theo học chương trình tương đương khoảng 30% học phí trực tiếp phải nộp cho 3 khóa tuyển sinh đầu tiên (năm 2024, 2025 và 2026)).
		Chương trình tiên tiến		70,000,000			
		- Học bằng tiếng Anh				2,000,000	
		- Học bằng tiếng Việt				1,180,000	
		Chương trình tiên tiến i-Hons hợp tác với Đại học Queensland và Kinh doanh quốc tế và Phân tích dữ liệu kinh doanh		85,000,000			Mức học phí: 120.000.000đ/năm học Thực tế mức học phí sinh viên phải nộp là 85.000.000đ/năm học (sau khi Nhà trường hỗ trợ cấp học bổng cho tất cả thí sinh theo học chương trình tương đương khoảng 30% học phí trực tiếp phải nộp cho 3 khóa tuyển sinh đầu tiên (khóa tuyển sinh năm 2024, 2025 và 2026)).

STT	HỆ ĐÀO TẠO	TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	MỨC HỌC PHÍ NĂM HỌC 2024-2025				Ghi chú
			Mức học phí/ Tín chỉ	Tính theo năm học	Tính theo khóa học	Mức học phí từ lần 2/ Tín chỉ	
		- Học bằng tiếng Anh				2,610,000	
		- Học bằng tiếng Việt				1,430,000	
1.3	Quy định mức học phí của sinh viên Đại học chính quy học song bằng chính quy học lần 1 và lần 2 (nếu có): Như mức học phí áp dụng cho chương trình đào tạo tiêu chuẩn được quy định ở trên.						
1.4	Quy định mức thu học phí năm học 2024-2025 đối với sinh viên đại học chính quy học tại cơ sở Quảng Ninh tuyển sinh từ khóa 59 trở về trước có hộ khẩu thường trú tại Quảng Ninh và có 3 năm học THPT tại Quảng Ninh được hưởng mức học phí bằng 70% mức học phí được quy định ở trên.						
2	ĐÀO TẠO TỪ XA	Chương trình đào tạo từ xa theo mô hình tiên tiến	825,000			825,000	
3	ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC, LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC						
3.1	Đối với các khóa được công nhận là sinh viên trước tháng 8/2024		550,000			550,000	
3.2	Đối với các khóa được công nhận là sinh viên từ tháng 8/2024		600,000			600,000	
	Đối với các đối tượng đang học theo niên chế học lại cùng với các lớp đào tạo theo hình thức tín chỉ, mức thu học phí học từ lần 2 trở đi được áp dụng giống như mức thu của đào tạo theo tín chỉ.						
4	ĐÀO TẠO THẠC SĨ						
4.1		Chương trình đào tạo tiêu chuẩn					
	Đối với các khóa được công nhận là học viên cao học trước tháng 8 năm 2023	Quản trị kinh doanh (theo định hướng ứng dụng)		32,000,000		1,050,000	
		Kinh tế quốc tế giảng dạy bằng tiếng Việt (theo định hướng ứng dụng)		32,000,000		1,050,000	
		Kinh doanh thương mại (theo định hướng ứng dụng)		32,000,000		1,050,000	
		Tài chính - Ngân hàng (theo định hướng ứng dụng và định hướng nghiên cứu)		32,000,000		1,050,000	

STT	HỆ ĐÀO TẠO	TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	MỨC HỌC PHÍ NĂM HỌC 2024-2025				Ghi chú
			Mức học phí/ Tín chỉ	Tính theo năm học	Tính theo khóa học	Mức học phí từ lần 2/ Tín chỉ	
	Đối với các khóa được công nhận là học viên cao học từ tháng 8 năm 2023 đến trước năm 2024	Quản trị kinh doanh (theo định hướng ứng dụng)		33,000,000		1,080,000	
		Kinh tế quốc tế giảng dạy bằng tiếng Việt (theo định hướng ứng dụng)		33,000,000		1,080,000	
		Kinh doanh thương mại (theo định hướng ứng dụng)		33,000,000		1,080,000	
		Tài chính - Ngân hàng (theo định hướng ứng dụng và định hướng nghiên cứu)		33,000,000		1,080,000	
	Đối với các khóa được công nhận là học viên cao học từ năm 2024	Quản trị kinh doanh (theo định hướng ứng dụng)			66,000,000	1,080,000	
		Kinh tế quốc tế giảng dạy bằng tiếng Việt (theo định hướng ứng dụng)			66,000,000	1,080,000	
		Kinh doanh thương mại (theo định hướng ứng dụng)			66,000,000	1,080,000	
		Tài chính - Ngân hàng (theo định hướng ứng dụng và định hướng nghiên cứu)			66,000,000	1,080,000	
4.2		Chương trình đặc thù					
	Đối với các khóa được công nhận là học viên cao học từ tháng 8 năm 2023 đến trước năm 2024	Luật kinh tế (theo định hướng ứng dụng)			65,000,000	1,050,000	
		Điều hành cao cấp theo định hướng ứng dụng (EMBA)			115,000,000	1,885,000	
		Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng			65,000,000	1,050,000	
		Chính sách và Luật thương mại quốc tế (theo định hướng ứng dụng và định hướng nghiên cứu)			65,000,000	1,050,000	
		Kinh tế quốc tế giảng dạy bằng tiếng Anh theo định hướng nghiên cứu			65,000,000	1,050,000	
	Đối với các khóa được công nhận là học viên cao học từ năm 2024	Luật kinh tế (theo định hướng ứng dụng)			70,000,000	1,150,000	
		Điều hành cao cấp theo định hướng ứng dụng (EMBA)			120,000,000	1,966,000	
		Quản lý kinh tế theo định hướng ứng dụng			70,000,000	1,150,000	
		Chính sách và Luật thương mại quốc tế (theo định hướng ứng dụng và định hướng nghiên cứu)			70,000,000	1,150,000	

STT	HỆ ĐÀO TẠO	TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	MỨC HỌC PHÍ NĂM HỌC 2024-2025				Ghi chú
			Mức học phí/ Tín chỉ	Tính theo năm học	Tính theo khóa học	Mức học phí từ lần 2/ Tín chỉ	
		Kinh tế quốc tế giảng dạy bằng tiếng Anh theo định hướng nghiên cứu			70,000,000	1,150,000	
4.3	Đối với trường hợp học lại theo hình thức tổ chức lớp riêng theo nguyện vọng của học viên: Với số lượng học viên đăng ký học lại của một môn từ 3 học viên trở lên, mức học phí áp dụng như trường hợp học ghép. Với trường hợp số lượng học viên đăng ký học lại của 1 môn dưới 3 học viên thì mức học phí phải nộp của mỗi học viên bằng tổng số học phí tính cho 3 học viên chia đều cho số học viên đăng ký học để bù đắp kinh phí tổ chức lớp học theo Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Ngoại thương						
4.4	Đối với học viên cao học bảo vệ luận văn/đề án tốt nghiệp lần 2 (do luận văn/đề án tốt nghiệp không đạt yêu cầu) thì học viên nộp học phí theo số tháng thực tế kéo dài kể từ ngày bảo vệ lần 1. Đối với học viên của các chương trình đào tạo thạc sĩ đặc thù và chương trình đào tạo thạc sĩ tiêu chuẩn được công nhận là học viên cao học từ năm 2024, mức học phí của 01 tháng được tính bằng mức học phí của khóa học chia (:) thời gian đào tạo chuẩn toàn khóa (hình thức đào tạo chính quy là 18 tháng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 24 tháng). Đối với học viên của các chương trình đào tạo thạc sĩ tiêu chuẩn được công nhận là học viên cao học trước năm 2024, mức học phí của 01 tháng được tính bằng mức học phí của 01 năm học chia (:) 12 tháng. Mức học phí của 1 tháng tính theo mức học phí quy định ở trên.						
4.5	Đối với học viên cao học được công nhận là học viên cao học trước năm 2024 đăng ký đề tài và bảo vệ luận văn/đề án tốt nghiệp thạc sĩ với khóa kế tiếp thì mức học phí phải nộp được tính bằng mức học phí của 1 năm học theo chương trình tiêu chuẩn chia (:) 12 tháng nhân với số tháng thực tế làm luận văn/đề án tốt nghiệp (tính kể từ ngày ký Quyết định giao đề tài luận văn/đề án tốt nghiệp thạc sĩ đến thời hạn nộp luận văn/đề án tốt nghiệp). Đối với học viên cao học được công nhận là học viên cao học từ năm 2024 đăng ký đề tài và bảo vệ luận văn/đề án tốt nghiệp thạc sĩ với khóa kế tiếp thì mức học phí phải nộp được tính bằng mức học phí của khóa học theo chương trình tiêu chuẩn chia (:) thời gian đào tạo chuẩn toàn khóa (hình thức đào tạo chính quy là 18 tháng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 24 tháng) nhân với số tháng thực tế làm luận văn/đề án tốt nghiệp (tính kể từ ngày ký Quyết định giao đề tài luận văn/đề án tốt nghiệp thạc sĩ đến thời hạn nộp luận văn/đề án tốt nghiệp). Mức học phí của 1 tháng tính theo mức học phí quy định ở trên.						
5	ĐÀO TẠO TIẾN SĨ						
	Đối với các khóa được công nhận là nghiên cứu sinh trước tháng 8 năm 2023			48,000,000		2,190,000	
	Đối với các khóa được công nhận là nghiên cứu sinh từ tháng 8 năm 2023 đến trước tháng 8 năm 2024			52,000,000		2,350,000	
	Đối với các khóa được công nhận là nghiên cứu sinh từ tháng 8 năm 2024			55,000,000		2,486,000	

STT	HỆ ĐÀO TẠO	TÊN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	MỨC HỌC PHÍ NĂM HỌC 2024-2025				Ghi chú
			Mức học phí/ Tín chỉ	Tính theo năm học	Tính theo khóa học	Mức học phí từ lần 2/ Tín chỉ	
			Đối với trường hợp học lại theo hình thức tổ chức lớp riêng theo nguyện vọng của NCS: Với số lượng NCS đăng ký học lại của một môn từ 3 NCS trở lên, mức học phí áp dụng như trường hợp học ghép. Với trường hợp số lượng NCS đăng ký học lại của 1 môn dưới 3 NCS thì mức học phí phải nộp của mỗi NCS bằng tổng số học phí tính cho 3 NCS chia đều cho số NCS đăng ký học để bù đắp kinh phí tổ chức lớp học theo Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường Đại học Ngoại thương				



PHỤ LỤC II
HỆ SỐ TÍN CHỈ ÁP DỤNG CHO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

(Kèm theo quyết định số: 1868 /QĐ-ĐHNT ngày 12 tháng 6 năm 2024)

- Hệ số tín chỉ học phí:

STT	Các học phần đào tạo theo tín chỉ	Hệ số tín chỉ học phí
1	Kiến thức đại cương và chuyên ngành	1,0
2	Ngoại ngữ, tin học	1,2
3	Thực tập và tốt nghiệp	1,3

- Công thức tính học phí một học phần như sau:

Học phí học phần đăng ký =	Số tín chỉ của học phần x Hệ số tín chỉ học phí x Đơn giá học phí 1 tín chỉ
----------------------------	---



